

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2019

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sinh

2. Bà Hoàng Thị Tháo

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Na Rì, Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông Nông Thiêm Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị H, sinh năm 1997.

HKTT: thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, (có mặt).

2. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị X - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, (có mặt).

3. *Bị đơn:* Anh Hoàng Triệu C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Hoàng Triệu C kết hôn với nhau vào năm 2014 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống với gia đình nhà chồng tại thôn K, xã L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm

2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh C hay đi chơi, uống rượu, về nhà lại gây sự hành hạ, bạo lực gia đình đối với chị H. Anh C thỉnh thoảng bỏ nhà đi mấy ngày không về, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Năm 2017, chị H, anh C đi làm công nhân xa nhà, trước khi đi hai vợ chồng có bàn bạc và được sự đồng ý của gia đình, đến tháng 7 năm 2017, anh C bỏ nhà đi không về cũng không liên lạc gì với chị H, chỉ có một vài lần gọi điện thoại nhưng anh C lại chỉ gây sự, xúc phạm đến chị H. Hiện nay chị H, anh C đã sống ly thân nhau được gần 02 năm, chị H về sinh sống tại nhà ngoại ở thôn N, xã H, huyện N, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn lại được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là Hoàng Thị Trà M, sinh ngày 04/12/2014, ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn kiến nghị (không ghi ngày tháng năm), bản tự khai ngày 28/3/2019, biên bản xác minh ngày 12/6/2019 và ngày 25/6/2019, bị đơn anh Hoàng Triệu C thống nhất với lời khai của chị H về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và con chung. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh C, anh C đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh C, chị H có 01 con chung như chị H trình bày là đúng, hiện nay con chung đang sống cùng anh C, ly hôn anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không thay đổi gì.

- Bị đơn: Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, anh C đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Các thông báo, giấy triệu theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh C vẫn không có mặt, không đến tòa án để làm việc, tham gia các hoạt động tố tụng do Tòa án tiến hành.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình tham gia giải quyết vụ án, có căn cứ để đánh giá rằng cuộc sống chung giữa chị H và anh C không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh C hay chơi bời, uống rượu, mỗi lần uống rượu say về nhà lại gây sự chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị H. Ngoài ra, thỉnh thoảng anh C còn bỏ nhà đi mấy ngày không về, anh C không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị H đã sống ly thân với anh C. Nay chị H thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H đối với anh C. Về con chung, giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh C, về con chung đề nghị giao cháu Hoàng Thị Trà M cho chị Hoàng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Triệu C và giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn, do vậy đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Triệu C hiện đang cư trú tại thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Tòa án nhân dân huyện Na Rì xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Triệu C vì anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Hoàng Triệu C. Hiện nay anh C vẫn sinh sống và làm việc tại địa phương nhưng không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Triệu Thị H và anh Hoàng Triệu C kết hôn năm 2014 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh C hay đi chơi, uống rượu, về nhà lại gây sự chửi bới, đánh đập chị H. Anh C thỉnh thoảng bỏ nhà đi mấy ngày không về, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Hiện nay, chị H và anh C đã sống ly thân với nhau được gần 02 năm, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh

C nhưng anh C không đến Tòa án hòa giải với chị H để vợ chồng quay về đoàn tụ, anh C có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị H. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, quá trình chung sống giữa chị H với anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh C hay đi chơi, uống rượu, khi say rượu anh C lại có hành vi gây sự chửi bới, đánh đập chị H, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H xin ly hôn, anh C cũng nhất trí ly hôn với chị H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh C.

[3] Về con chung: Chị H, anh C có 01 con chung là Hoàng Thị Trà M, sinh ngày 04/12/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và đều không yêu cầu bên còn lại đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay anh C đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ, nhà ở là của bố mẹ anh C, anh C hiện nay không có công việc ổn định nên thu nhập hàng tháng cũng không ổn định, công việc chính là làm nông nghiệp, ruộng nương cùng bố mẹ. Khoảng cách từ nhà bố mẹ anh C đến trường học khoảng 03 km. Đối với chị H, hiện nay chị sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn N, xã H, gia đình gồm có bố mẹ chị H, vợ chồng chị gái và một con nhỏ, nhà ở cách trường mầm non khoảng 300 m và cách trường cấp 1 khoảng 01 km. Chị H trước đây làm công nhân ở Thái Nguyên nhưng hiện đã nghỉ, ở nhà làm công việc bán hàng online, thu nhập trung bình khoảng 4.000.000,đ/ tháng. Chị H còn cùng gia đình làm nông nghiệp, chăn nuôi để tăng thêm thu nhập. Ngoài ra, con chung hiện nay còn nhỏ (chưa đủ 05 tuổi), là con gái nên cần có sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ sẽ thuận lợi hơn trong việc giáo dục. Thực tế, hiện nay con chung đang sinh sống cùng anh C nhưng không được đi học, anh C xác nhận vào khoảng tháng 10 năm 2018 chị H rút giấy tờ chuyển học cho con về xã H, đến tết âm lịch năm 2019 anh C đón con về nhà nhưng vì giấy tờ học của con vẫn ở xã H nên đến nay cháu chưa được đi học lại. Do vậy, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con chung và các điều kiện nuôi dưỡng con của anh C, chị H, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu Hoàng Thị Trà M cho nguyên đơn là chị Triệu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Chị H không yêu cầu anh C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Triệu Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Triệu Thị H đối với anh Hoàng Triệu C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H được ly hôn anh Hoàng Triệu C.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Thị Trà M, sinh ngày 04/12/2014 cho chị Triệu Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H không đặt ra vấn đề đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Hiện nay cháu M đang sống cùng anh C, do đó buộc anh Hoàng Triệu C phải có nghĩa vụ giao con chung là Hoàng Thị Trà M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hoàng Triệu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Triệu Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 06688, ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- Người BVQL của nguyên đơn (01b);
- VKSND huyện (02b);
- TAND tỉnh (01b);
- THA Dân sự huyện (01b);
- UBND xã Lương Hạ (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu TA (01b).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Võ Thanh Bình